



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN THÁC MƠ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

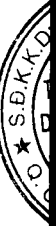


CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Tháng 3, năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Ninh Viết Định	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên
Ông Đinh Văn Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Tuấn Hải	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Các công ty con: bao gồm các công ty mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các đơn vị này hoạt động theo luật Doanh nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ và tự chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh của mình theo quy định của pháp luật.

Công ty con bao gồm:

Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên - Tỷ lệ sở hữu vốn và biểu quyết là 98%

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ và công ty con, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết.

Vốn đầu tư vào các Công ty liên kết được trình bày dưới dạng đầu tư tài chính và được trình bày theo phương pháp giá gốc.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Tuấn Hải
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 10 tháng 03 năm 2011



Số: 34 /2011/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
*Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010*

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập ngày 10 tháng 03 năm 2011, trình bày từ trang 06 đến trang 25 kèm theo

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Cơ sở ý kiến được dựa trên cơ sở ý kiến tại các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các Công ty con. Quá trình kiểm toán được tiến hành theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Công việc tổng hợp kết quả kiểm toán bao gồm việc tổng hợp kết quả kiểm toán từ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các Công ty con. Ngoài ra, chúng tôi cũng xem xét việc tổng hợp các số liệu liên quan từ các số liệu và thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các Công ty con. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá nguyên tắc kế toán được sử dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Tuy nhiên công việc kiểm toán của chúng tôi bị ảnh hưởng bởi hạn chế sau:

Hạn chế trong phạm vi kiểm toán

Do Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010 của Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình nên khoản đầu tư vào Công ty liên kết này vẫn được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp giá gốc. Do đó, chúng tôi không đánh giá mức độ hợp lý của khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam



Nguyễn Tự Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1226/KTV

Tô Thị Thanh Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1183/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2010	Tại 01/01/2010
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		187.568.904.959	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.875.564.395	-
Tiền	111		1.375.564.395	-
Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		119.126.251.282	-
Đầu tư ngắn hạn	121	5	119.126.251.282	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.428.795.573	-
Phải thu khách hàng	131		38.407.465.375	-
Trả trước cho người bán	132		441.250.000	-
Các khoản phải thu khác	135	6	21.580.080.198	-
Hàng tồn kho	140		5.109.636.963	-
Hàng tồn kho	141	7	5.109.636.963	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.028.656.746	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		152.048.529	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		477.094.317	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		399.513.900	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.133.198.520.197	-
II. Tài sản cố định	220		940.923.682.036	-
Tài sản cố định hữu hình	221	11	913.048.101.068	-
- Nguyên giá	222		1.966.617.620.234	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.053.569.519.166)	-
Tài sản cố định vô hình	227	12	10.005.869.487	-
- Nguyên giá	228		10.069.564.760	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.695.273)	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	17.869.711.481	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	190.968.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên	252		2.400.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258		188.568.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.306.838.161	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.088.750.910	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		19.684.751	-
Tài sản dài hạn khác	268		198.402.500	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.320.767.425.156	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2010 VND	Tại 01/01/2010 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		539.581.716.970	-
Nợ ngắn hạn	310		124.091.468.524	-
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	77.624.000.000	-
Phải trả người bán	312		5.586.064.485	-
Người mua trả tiền trước	313		228.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà	314	14	6.488.804.325	-
Phải trả người lao động	315		11.722.305.510	-
Chi phí phải trả	316	15	15.305.860.874	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn	319	16	5.077.827.431	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.058.605.899	-
Nợ dài hạn	330		415.490.248.446	-
Vay và nợ dài hạn	334	17	415.490.248.446	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		781.185.708.186	-
Vốn chủ sở hữu	410	18	781.185.708.186	-
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		12.057.749.614	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		12.197.387.119	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		56.930.571.453	-
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (*)	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.320.767.425.156	-

(*) Tại ngày 31/12/2010, toàn bộ số vốn thực góp vào Công ty con được góp bởi Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Do đó, không phát sinh "Lợi ích của cổ đông thiểu số".

Bình Phước, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Khánh



Lê Tuấn Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

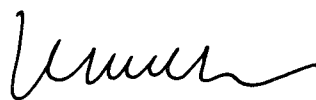
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	266.930.871.992
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		266.930.871.992
Giá vốn hàng bán	11	20	175.160.293.308
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		91.770.578.684
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	19.355.897.633
Chi phí tài chính	22	22	67.520.051.673
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		67.520.051.673
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.368.055.898
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.238.368.746
Thu nhập khác	31		77.381.285
Chi phí khác	32		-
Lợi nhuận khác	40		77.381.285
Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.315.750.031
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	7.693.372.259
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	(19.684.751)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.642.062.523
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số (*)	61		-
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		23.642.062.523
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	338

(*) Trong năm 2010, toàn bộ số vốn thực góp vào Công ty con được góp bởi Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Do đó, không phát sinh "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số".

Bình Phước, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Khánh

Lê Tuấn Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1		31.315.750.031
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	2		131.185.033.936
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(18.991.548.790)
Chi phí lãi vay	6		67.520.051.673
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		211.029.286.850
động			
Tăng giảm các khoản phải thu	9		(51.532.940.230)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(2.546.635)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu	11		16.278.995.666
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.202.457.546)
Tiền lãi vay đã trả	13		(68.238.663.227)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(40.156.918.177)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.220.012.500
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.985.204.547)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		65.409.564.654
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21		(18.754.489.657)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(167.903.777.778)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		117.466.652.196
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.110.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.689.067.757
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(77.612.547.482)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(77.624.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.265.496.675)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(94.889.496.675)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(107.092.479.503)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		108.968.043.898
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	1.875.564.395

Bình Phước, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Tuấn Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 44.03.000.108 ngày 01/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 38.00.311.306 thay đổi lần 4 ngày 07/10/2010. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 55.941.500 cổ phần tương ứng với 559.415.000.000 đồng, chiếm 79,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 14.058.500 cổ phần tương ứng với 140.585.000.000 đồng, chiếm 20,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/06/2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08/06/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

1.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2010 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp; cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ; đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ; du lịch./.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3. Công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên

- Địa chỉ: số 1195 Trần Phú, P. Lộc tiến, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty con.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Năm 2010, Công ty góp bổ sung vốn vào Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên và trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên. Theo đó, năm 2010 là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm là chi phí thực hiện các hợp đồng dịch vụ chưa hoàn thành.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01/09/2009 đến ngày 15/10/2043.
- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07/09/2009 đến ngày 07/12/2059.

Trong năm 2010, Công ty không tiến hành trích khấu hao tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn vào các Công ty khác nhằm thu lợi nhuận.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn với tỷ lệ nhỏ hơn 20% quyền biểu quyết, các khoản này được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

3.9 NGOẠI TỆ

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, cụ thể:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty và các Công ty con căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2010	Tại 01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	186.109.109	-
Tiền gửi ngân hàng	1.189.455.286	-
Các khoản tương đương tiền (*)	500.000.000	-
Cộng	1.875.564.395	-

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn xác định không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2010	Tại 01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	119.126.251.282	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại NHPT Bình Phước	2.500.000.000	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại NHCT Bình Phước	35.000.000.000	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại NHCT CN8 Tp. Hồ Chí Minh	70.576.000.000	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty tài chính CP Điện lực	-	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại NHTMCP Quốc Tế - CN Sài Gòn	11.050.251.282	-
Cộng	119.126.251.282	-

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn xác định trên 3 tháng và dưới 12 tháng tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2010	Tại 01/01/2010
	VND	VND
Trả hộ BQLDA TĐ Thác Mơ mở rộng	7.737.777.485	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.405.480.333	-
Ứng trước kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	10.340.036.900	-
Phải thu khác	96.785.480	-
Cộng	21.580.080.198	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2010 VND	Tại 01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.882.714.202	-
Công cụ, dụng cụ	280.963.345	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	945.959.416	-
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	5.109.636.963	-

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Tại 31/12/2010 VND	Tại 01/01/2010 VND
Tổng số chi phí XD CB dở dang	17.869.711.481	-
Trong đó: Những công trình lớn:		
+ Dự án Thủy điện Đại Nga	17.536.584.087	-
+ Nâng cấp thiết bị thị trường điện	333.127.394	-

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 1/12/2010 VND	Tại 31/01/2010 VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	2.400.000.000	-
+ Công ty CP Phong điện Thuận Bình (*)	2.400.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	188.568.000.000	-
+ Công ty CP thủy điện Sêsan 4	9.978.000.000	-
+ Công ty CP thủy điện Sêrêpok	10.800.000.000	-
+ Công ty CP Cơ điện Đồng Nai	1.100.000.000	-
+ Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	149.580.000.000	-
+ Công ty CP Thủy điện Đăkrosa	17.110.000.000	-
Cộng	190.968.000.000	-

(*) Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ trong Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình chiếm 20% vốn điều lệ, tỷ lệ biểu quyết 20%

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tại 31/12/2010 VND	Tại 01/01/2010 VND
Chi phí Nhà máy Thủy điện Đại Nga trước khi đi vào	1.088.750.910	-
Cộng	1.088.750.910	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ, quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Tại ngày 01/01/2010	1.240.308.556.436	597.751.383.753	116.854.031.938	9.460.630.789	1.964.374.602.916
- Mua trong năm	2.243.017.318	-	-	-	2.243.017.318
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.242.551.573.754</u>	<u>597.751.383.753</u>	<u>116.854.031.938</u>	<u>9.460.630.789</u>	<u>1.966.617.620.234</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2010	557.176.762.925	303.518.713.501	53.150.062.904	8.538.945.900	922.384.485.230
- Khấu hao trong năm	44.073.693.522	73.197.308.849	13.059.341.074	854.690.491	131.185.033.936
Tại ngày 31/12/2010	<u>601.250.456.447</u>	<u>376.716.022.350</u>	<u>66.209.403.978</u>	<u>9.393.636.391</u>	<u>1.053.569.519.166</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày 01/01/2010	<u>683.131.793.511</u>	<u>294.232.670.252</u>	<u>63.703.969.034</u>	<u>921.684.889</u>	<u>1.041.990.117.686</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>641.301.117.307</u>	<u>221.035.361.403</u>	<u>50.644.627.960</u>	<u>66.994.398</u>	<u>913.048.101.068</u>

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:
 456.524.050.534
 4.135.051.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01/09/2009 đến ngày 15/10/2043.
- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07/09/2009 đến ngày 07/12/2059.

Trong năm 2010, Công ty không tiến hành trích khấu hao tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2010	Tại 01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả	77.624.000.000	-
- Vay Tập đoàn Điện lực	42.624.000.000	-
- Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	35.000.000.000	-
Cộng	77.624.000.000	-

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2010	Tại 01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT	929.887.644	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.666.362.842	-
Thuế thu nhập cá nhân	71.242.172	-
Thuế tài nguyên	821.311.667	-
Cộng	6.488.804.325	-

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2010	Tại 01/01/2010
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	333.127.394	-
Lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.916.289.034	-
Lãi vay phải trả Công ty tài chính Cổ phần Điện lực	9.056.444.446	-
Cộng	15.305.860.874	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2010	Tại 01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	138.760.427	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	4.370.227.326	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	568.839.678	-
Cộng	5.077.827.431	-

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Tại 31/12/2010	Tại 01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	415.490.248.446	-
- Vay Tập đoàn Điện lực (1)	170.490.248.446	-
- Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (2)	245.000.000.000	-
Cộng	415.490.248.446	-

(1) Là khoản vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 01/EVN- Thác Mơ/TCKT ngày 02/01/2009 với mục đích điều chỉnh cơ cấu vốn Nhà nước trong phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Thời hạn vay là 8 năm kể từ ngày 01/01/2008 đến ngày 10/10/2015, tiền gốc và lãi vay được trả mỗi năm 2 kỳ.

Lãi suất cho vay:

- Từ 01/01/2008 đến 10/10/2008: 11%/năm
- Từ 11/10/2008 đến 31/12/2008: 19,88%/năm
- Năm 2009 và 2010: 12%/năm (tuy nhiên sẽ được điều chỉnh tương ứng với lãi suất áp dụng để tính trong giá bán điện trong hợp đồng mua bán điện ký giữa EVN và Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ)
- Từ 2011 đến 2015: Lãi suất cho vay là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi sau theo lãi suất bình quân của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn cộng chi phí biên 2,5%/năm nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố.

(2) Là khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2008/HĐTD - TCĐL ngày 09/10/2008 với mục đích tái cơ cấu nguồn vốn vay sau cổ phần hóa. Thời hạn vay tối đa là 10 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tiền gốc và lãi được trả 3 tháng/lần từ ngày 11/04/2009.

Lãi suất cho vay:

- Từ 10/10/2008 đến 10/01/2009: 19,88%/năm
- Từ 11/01/2009 đến 10/07/2010: 12%/năm
- Từ 11/07/2010 trở đi, lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, lãi trả sau của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn, cộng với lãi suất biên 3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 55.941.500 cổ phần tương ứng với 559.415.000.000 đồng, chiếm 79,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 14.058.500 cổ phần tương ứng với 140.585.000.000 đồng, chiếm 20,08% vốn điều lệ.

18a. CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2010	Tại 01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	70.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ		
+ Cổ phiếu thường	70.000.000	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu thường	70.000.000	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu:</i>	<i>10.000</i>	-

18b. CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2010	Tại 01/01/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.057.749.614	-
Quỹ dự phòng tài chính	12.197.387.119	-